www.facebook.com/chuhandongian

Chữ Hán đơn giản

48 MOST FREQUENT KANJI RADICALS

48 bộ Kanji cơ bản nhất

based on the new 2136 jôyô kanji list

© Patrick Chaury

6 most frequent radicals	Thủy water 水 (氵・氺) 1	Nhân person 人 (亻・人) 2	Thủ hand 手 (扌) 3	Mộc tree 木 4	Tâm heart 心 (忄・心) 5	Khẩu mouth 口 6										
+12	Ngôn to say 言 7	Mịch thread 糸 8	Xước path 辶 9	Thổ ground 土 10	Thảo plant 艹 11	Nhục meat 肉 (月) 12	Ấ city wall 阝 13	Nhật sun 日 14	Nữ woman 女 15	Miên roof 宀 16	Bối shell 貝 17	Kim metal/gold 金 18				
+30	Đao sword 刀 19 (刂)	Hỏa fire 火 20 (灬)	Trúc bamboo 竹 21 (⺮)	Lực power 力 22	Hạt grain 禾 23	Đầu head 頁 24	Y cloak 衣 25 (衤)	Hành to go 彳 26	Điền rice field 田 27	Mục eye 目 28	Đại big 大 29	Bố cloth 巾 30	Quảng building 广 31	Khuyển dog 犬 (犭) 32	Nhất one 一 33	
	Sơn mountain 山 34	Xử action 夂 35	Thạch stone 石 36	Hộ corpse 尸 37	Vương jewel/king 玉 (王) 38	Bệnh illness 疒 39	Thị altar 示 (礻) 40	XA vehicle 車 41	Chai bottle 酉 42	Vũ rain 雨 43	Đóng khung enclosure 囗 44	Thốn inch 寸 45	Thực eat 食 (飠) 46	Thập ten 十 47	Cung bow 弓 48	

= 25%!

= 50%!

= 75%!

% = percentage of jôyô kanji that have one of these radicals

(xuất hiện trong 75% chữ KANJI)